

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 09 - 3 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi.***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**1 Ông Nguyễn Quang Chung.**

**2. Ông Phạm Công Gia.**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:***  
Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09/03/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/QĐST – HNGĐ ngày 05/02/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa xét xử số 52/TB – TA ngày 19/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Tăng Cẩm Kiều**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà 84B, phố 3, ấp 4, xã Phú Vinh, Định Quán, Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Lê Cu Ton**, sinh ngày 1984.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp 5, xã Trà Cỏ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*(Tại phiên tòa vắng mặt chị Kiều, anh Ton (chị Kiều có đơn xin vắng mặt, anh Ton triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2020, lời khai trong quá trình tố tụng ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn chị Tăng Cẩm Kiều thể hiện:*

Chị là người dân tộc Hoa. Chị nghe, đọc, viết và hiểu được Tiếng Việt, không cần người phiên dịch.

Chị và anh Lê Cu Ton tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2012. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã Trà Cỏ, huyện Tân Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/9/2012. Cuộc

sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh Ton hay say xỉn dẫn đến vợ chồng hay lớn tiếng, xung đột với nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh Ton nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Cu Ton.

Về con chung: Chị và anh Ton có 01 (một) con chung là Lê Gia Hân, sinh ngày 20/10/2012. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu Gia Hân và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Ton không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Ton không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Kiều đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân của chị Kiều (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị Kiều (bản sao); Đơn xin xác nhận hộ khẩu thường trú của anh Ton (bản chính); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh (bản sao).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn; Đơn xin thể hiện nguyện vọng; Biên bản xác minh về sự có mặt của đương sự tại địa phương, tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con của các đương sự. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Kiều được ly hôn anh Ton.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lê Gia Hân, sinh ngày 20/10/2012 cho chị Kiều nuôi dưỡng. Anh Ton không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Kiều không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Chị Kiều khai báo anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét. Vì không có lời khai của anh Ton nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về nợ chung: Chị Kiều khai báo anh chị không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của anh Ton nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Chị Kiều phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Điều luật áp dụng: Điều 18, 85, 86, 88, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, 205 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa, chị Kiều vắng mặt do chị có đơn xin vắng mặt, anh Ton được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh Ton có địa chỉ tại ấp 5, xã Trà Cổ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Chị Kiều yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 21/10/2020, chị Kiều khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ton. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Kiều là nguyên đơn, anh Ton là bị đơn trong vụ án.

- Chị Kiều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, anh Ton vắng mặt lần thứ 2 mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh Ton.

#### **[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Kiều và anh Ton được xác lập vào năm 2012. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã Trà Cổ, huyện Tân Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/9/2012. Chị Kiều có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật hôn nhân và gia đình quy định.

Xét lời khai của chị Kiều và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không đồng lòng đồng sức chăm lo cho gia đình.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị ít qua lại, thông tin liên lạc và không trực tiếp trao đổi để vợ chồng có cơ hội về chung sống đoàn tụ với nhau. Nay chị Kiều nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn với anh Ton.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp cũng như Tòa án thu thập được cho các bên đương sự. Tòa án đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ chị Kiều không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Bị đơn anh Ton vắng mặt đã được tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật. Do anh Ton vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu nào của anh Ton.

Nhận thấy hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt. Để anh chị sớm có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Kiều, cho chị được ly hôn với anh Ton.

[2.2]. Về quan hệ nuôi dưỡng con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Kiều khai báo anh chị có 01 (một) con chung là Lê Gia Hân, sinh ngày 20/10/2012.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Kiều: Cháu Hân hiện do chị Kiều trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn các bên đều có quyền được nuôi con, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Ton không có mặt tại Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của anh Ton đối với yêu cầu nuôi con của chị Kiều.

Do cháu còn nhỏ và quen với môi trường chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giữ nguyên nếp sống sinh hoạt hiện nay nhằm đảm bảo ổn định tâm lý cho cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu nên chấp nhận nguyện vọng nuôi con của chị Kiều là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị Kiều không yêu cầu anh Ton cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Do trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Ton về yêu cầu này vì vậy khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

**[3]. Về án phí:** Chị Kiều phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn.

**[4]. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 91, 92, 93, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tăng Cẩm Kiều.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Cẩm Kiều được ly hôn anh Lê Cu Ton.

- Về con chung: Chị Kiều, anh Ton có 01 (một) con chung là Lê Gia Hân, sinh ngày 20/10/2012.

Giao cháu Lê Gia Hân cho chị Kiều trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Kiều không yêu cầu anh Ton cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Ton có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại.

Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

**2.** Về án phí: Chị Kiều phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Kiều đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003772 ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

**3. Về quyền kháng cáo:** Chị Tăng Cẩm Kiều và anh Lê Cu Ton có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Trà Cổ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (để ghi vào sổ hộ tịch theo số 58/2012, quyển số 01/2012 ngày 10/9/2012);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Văn Phi**